

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2018.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Xuân Thanh.

2. Bà Trần Thị Lãm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1980;

Địa chỉ cư trú: Số 2230, khu phố a, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Anh T, sinh năm 1983;

Địa chỉ cư trú: Số 2230, khu phố a, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T có tìm hiểu, quen biết và tổ chức lễ cưới vào năm 2005, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh vào ngày 21 tháng 09 năm 2011. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do

anh T thường xuyên chơi cờ bạc, không lo làm ăn, chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi, vì vậy vợ chồng thường xuyên gây gỗ nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Chị và anh T ly thân từ tháng 12 năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân hai anh chị cũng không gặp nhau để hòa giải, hàn gắn gia đình được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Anh T.

Về con chung: Chị và anh T có hai người con tên Võ Hoàng K, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2006 và Võ Hoàng Kim A, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2008. Hiện tại con chung đang chung sống với chị. Nay ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Đối với bị đơn - anh Võ Anh T:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý, thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh T không đến để trình bày theo yêu cầu của Tòa án cũng như không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử mặc dù Công an thị trấn B xác nhận anh vẫn còn hộ khẩu ở địa phương, anh vẫn đi đi về về nhà nhưng có tình vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên Tòa trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh T đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D, cho chị D được ly hôn với anh Võ Anh T. Áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 giao hai cháu Võ Hoàng K, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2006 và Võ Hoàng Kim A, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2008 cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung chị D trình bày không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp, qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Võ Anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị D và anh T trên cơ sở tự nguyện và đi đến hôn nhân từ năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh vào ngày 21 tháng 09 năm 2011 nên hôn nhân của chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D có đơn xin ly hôn với anh T. Quá trình xác minh cho thấy, việc chị D và anh T thường xuyên gây gổ nhau, ngoài ra anh T thường xuyên sang casino chơi đánh bài là có, hiện tại cả hai anh chị đã ly thân từ tháng 12 năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai cũng không có giải pháp khắc phục hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, anh T không chấp hành theo giấy triệu tập của tòa án, cố tình vắng mặt không đến, điều đó chứng tỏ anh không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị D.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, cho chị D được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Võ Anh T có 02 con chung tên Võ Hoàng K, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2006 và Võ Hoàng Kim A, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2008. Nay ly hôn chị D yêu cầu được nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ ngày hai anh chị ly thân hai cháu sống chung với chị D. Mặt khác, cháu K và cháu A đã trên 7 tuổi, qua làm việc hai cháu có nguyện vọng muốn được sống chung với chị D. Xuất phát từ lợi ích của cháu K và cháu A nên việc giao hai cháu cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Dù Hội đồng xét xử đã giải thích quyền và nghĩa vụ của cha mẹ trong việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn cho chị D nghe nhưng chị D vẫn giữ nguyên ý kiến không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung do vậy nên ghi nhận.

Anh Võ Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở..

[4] Về tài sản chung: Chị D xác định chị và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị D xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Võ Anh T.

Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Võ Anh T.

2. Về con chung: Giao hai cháu Võ Hoàng K, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2006 và Võ Hoàng Kim A, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2008 cho chị Nguyễn Thị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Võ Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

Anh Võ Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị D trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0021376 ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh. Chị D đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Võ Anh T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị D có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Vân

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Vân

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân

